

TUẦN 34

Tiết 1.

CHÀO CỜ

Tiết 2. Thể dục:

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 3. Tập đọc:

TIẾNG CƯỜI LÀ LIỀU THUỐC BỔ

I. Mục tiêu

- Bước đầu biết đọc một văn bản phổ biến khoa học với giọng rành rẽ, rứt khoát.

- Hiểu nội dung bài: Tiếng cười mang đến niềm vui cho cuộc sống, làm cho con người hạnh phúc, sống lâu (Trả lời được các CH trong SGK)

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Bảng phụ

- Trò: Đọc trước bài ở nhà

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra:

- Đọc bài: Con chim chiền chiện

2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

b. Nội dung bài:

- HS đọc bài, lớp đọc thầm
- Bài chia làm mấy đoạn? (3 đoạn)
- HS đọc nối tiếp đoạn, rèn đọc từ khó, câu dài + giải nghĩa từ khó sgk.
- Đọc theo cặp- đọc trước lớp.
- GV đọc mẫu bài
- Phân tích cấu tạo của bài báo trên, nêu ý chính của từng đoạn?
- Vì sao nói tiếng cười là liều thuốc bổ?
- Người ta tìm cách tạo ra tiếng cười cho bệnh nhân để làm gì?
- Em rút ra được điều gì qua bài học này?
- HS đọc nối tiếp 3 đoạn, nêu cách đọc
- Luyện theo nhóm, thi đọc trước lớp
- Nhận xét, đánh giá

* Luyện đọc:

- Từ khó: động vật, sáng khoái,...
- Câu: Mục đích của việc làm này/ là rút ngắn thời gian chữa bệnh/ và tiết kiệm tiền cho nhà nước.

* Tìm hiểu bài:

- Đ 1: Tiếng cười là đặc điểm quan trọng, phân biệt con người với các loài động vật khác.
- Đ 2: Tiếng cười là liều thuốc bổ
- Đ 3: Người có tài hài hước sẽ sống lâu hơn
- Khi cười tốc độ thở của con người sẽ tăng lên, các cơ mặt thư giãn...
- Để rút ngắn thời gian điều trị, tiết kiệm tiền cho nhà nước.

- Cần biết sống một cách vui vẻ.

* Luyện đọc đúng giọng:

- Đoạn 2: Tiếng cười là liều thuốc bổ. Bởi vì khi cười... hẹp mạch máu.

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố:

- Nội dung bài nói gì?

b. Dặn dò:

- Học và chuẩn bị bài: Ăn “mâm đá”.

Tiết 4. Toán:

ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (Tiếp)

I. Mục tiêu

- Củng cố các đơn vị đo diện tích đã học và quan hệ giữa các số đo đơn vị đo diện tích.
- Thực hiện được phép tính với số đo diện tích.

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập
- Trò: Xem trước bài ở nhà

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: Kiểm tra bài tập ở nhà.

2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

b. Nội dung bài:

<ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu của bài - HS làm bài bảng lớp, bảng con 	<p>* Bài 1 (172).</p> <p>$1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$ $1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$</p> <p>$1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$ $1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu của bài - Hai đơn vị đo diện tích liền nhau thì gấp hoặc kém nhau bao nhiêu lần? 	<p>* Bài 2 (172).</p> <p>a. $15 \text{ m}^2 = 150\,000 \text{ cm}^2$ $\frac{1}{10} \text{ m}^2 = 10 \text{ dm}^2$</p> <p>$103 \text{ m}^2 = 10\,300 \text{ dm}^2$ $\frac{1}{10} \text{ dm}^2 = 10 \text{ cm}^2$</p> <p>$2110 \text{ dm}^2 = 211\,000 \text{ cm}^2$ $\frac{1}{10} \text{ m}^2 = 1\,000 \text{ cm}^2$</p>
<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài trên phiếu - Trình bày bài trước lớp - Nhận xét, chữa bài 	<p>b. $500 \text{ cm}^2 = 5 \text{ dm}^2$ $1 \text{ cm}^2 = \frac{1}{100} \text{ dm}^2$</p> <p>$1300 \text{ dm}^2 = 13 \text{ m}^2$ $1 \text{ dm}^2 = \frac{1}{100} \text{ m}^2$</p> <p>$60000 \text{ cm}^2 = 6 \text{ m}^2$ $1 \text{ cm}^2 = \frac{1}{10000} \text{ m}^2$</p>
<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, nêu tóm tắt - HS lên bảng thực hiện 	<p>* Bài 4 (173). Giải</p> <p>Diện tích thửa ruộng là: $64 \times 25 = 1600 \text{ (m}^2\text{)}$</p> <p>Thửa ruộng đó thu hoạch được là:</p> <p>$\frac{1}{2} \times 1600 = 800 \text{ (kg)}$</p> <p>$800 \text{ kg} = 8 \text{ tạ}$</p> <p>Đáp số: 8 tạ</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, chữa bài 	

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố:

- Hệ thống lại kiến thức vừa ôn.

b. Dặn dò:

- Làm bài tập vở bài tập, chuẩn bị bài sau.

CHIỀU

Tiết 1: Toán⁺

Tiết 2. Đạo đức:

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 3: Tiếng Việt⁺

SÁNG

Tiết 1. Toán:

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (T1)

I. Mục tiêu

- Nhận được 2 đường thẳng song song, 2 đường thẳng vuông góc.
- Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập, bảng phụ
- Trò: Bảng con, vở bài tập

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - Kiểm tra bài tập ở nhà

2. Bài mới:

- a. Giới thiệu bài:
- b. Nội dung bài:

<ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài- HS quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi- Nhận xét, bổ sung <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài- Nhắc lại cách tính chu vi và diện tích của hình vuông <ul style="list-style-type: none">- HS đọc đề, tóm tắt bài toán- Nêu cách giải bài toán- HS lên bảng giải, lớp làm vở <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét, chữa bài	<p>* Bài 1 (173). a, Các cạnh song song với nhau: AB và DC b, Các cạnh vuông góc với nhau: AB và AD AD và DC</p> <p>* Bài 3 (173). a,b sai. c,d đúng.</p> <p>* Bài 4 (173). Diện tích một viên gạch là: $20 \times 20 = 400 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích phòng học là: $8 \times 5 = 40 \text{ (m}^2\text{)}$ $40\text{m}^2 = 400000\text{cm}^2$ Số viên gạch cần dùng: $400000 : 400 = 1000 \text{ (viên)}$</p>
--	---

Đáp số: 1000 viên

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố:

- Nêu nội dung vừa ôn tập

b. Dặn dò:

- Làm bài tập vở bài tập. Xem trước bài sau.

Tiết 2: Âm nhạc:

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 3: Khoa học

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 4. Chính tả (Nghe- viết):

NÓI NGƯỢC

I. Mục tiêu

- HS nghe viết đúng chính tả, trình bày đúng bài về dân gian theo lục bát.
- Làm đúng BT2 (phân biệt âm đầu thanh dễ lẫn.)

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập, bảng phụ
- Trò: Bảng con, vở bài tập

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - HS viết bảng con: tròn trịa, chông chênh, liêu xiêu...

2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

b. Nội dung bài:

<ul style="list-style-type: none">- GV đọc mẫu bài viết, HS đọc lại- Nội dung bài nói gì? <p>* Luyện viết từ khó:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đọc – HS viết bảng con <p>* Viết chính tả:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đọc chính tả- HS viết bài- GV đọc- HS tự soát lại lỗi trong bài- Thu chấm 1 số bài – nhận xét <p>c, Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài- 1 HS lên bảng, lớp làm vở- Nhận xét, chữa bài	<ul style="list-style-type: none">- HS theo dõi- Nói những chuyện phi lý, ngược đời, không thể nào xảy ra nên gây cười. <ul style="list-style-type: none">- liêm lông, nậm rượu, lao đao,... <ul style="list-style-type: none">- HS viết chính tả <p>* Bài 2 (155).</p> <ul style="list-style-type: none">- Thứ tự các từ cần điền: giải đáp, tham gia, dùng, theo dõi, bộ não, không thể.
--	---

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố:

- Nhận xét tiết học, tuyên dương những hs viết đẹp, đúng.

b. Dặn dò:

- Làm bài tập, chuẩn bị bài giờ sau.

CHIỀU

Tiết 1: Tiếng việt⁺

Tiết 2: Toán⁺

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 3: Kể chuyện:

KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I. Mục tiêu

- Chọn được một câu chuyện về một người vui tính. Biết kể lại rõ ràng về những sự việc minh họa cho tính cách của nhân vật (Kể không thành chuyện), hoặc kể sự việc để lại ấn tượng sâu sắc về nhân vật (Kể thành chuyện).

- Biết trao đổi với bạn về ý nghĩa của câu chuyện.
- Nghe và nhận xét đúng lời kể của bạn.

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Bảng phụ
- Trò: Xem trước bài ở nhà

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - HS kể chuyện về một người có tinh thần lạc quan, yêu đời.

2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

Trực tiếp

b. Nội dung bài:

<ul style="list-style-type: none">* GV đọc và ghi đề lên bảng- HS đọc lại đề, xác định yêu cầu của đề- HS đọc nối tiếp các gợi ý trong sgk- Em hiểu thế nào là người vui tính?- Những người vui tính em thấy có ở những đâu?- Khi kể chuyện cần lưu ý điều gì?- HS lần lượt nói tên câu chuyện, nhân vật sẽ kể?* HS kể chuyện- Kể chuyện theo nhóm, cặp- HS kể chuyện trước lớp	<ul style="list-style-type: none">* Đề bài: Kể chuyện về một người vui tính mà em biết.- Người lúc nào cũng tươi cười, cởi mở với mọi người.- Ở người thân trong gia đình, ở trường, hàng xóm,...* Khi kể chuyện cần lưu ý kể câu chuyện có đầu, có cuối,...* HS thực hành kể chuyện theo cặp, trao đổi ý nghĩa câu chuyện
--	--

3. Củng cố- dặn dò :

a. Củng cố:

- Nhận xét, tiết học, bình chọn người kể hay nhất, câu chuyện hay nhất

b. Dặn dò: